

Bản án số: 46/2019/DS-ST

Ngày: 14/10/2019

V/v: “*Tranh chấp HĐ vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Phước Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đại Thắng

2. Ông Nguyễn Việt Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoài Ân – Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59A/2019/QĐST - DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐ-DS ngày 26/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm: 1968.

Trú tại: Ấp P, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1956 (có mặt)

Trú tại: Ấp P, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: 1. Ông Dương Tấn Tr, sinh năm 1977 (vắng mặt)

2. Bà Bùi Kim L (Bùi Thị Kim L), sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp P, xã Đ, huyện Châu Thành, Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Đầu năm 2017, ông Nguyễn Văn C có cho vợ chồng ông Dương Tấn T và bà Bùi Kim L nhiên lần mượn tiền. Ngày 16/9/2018, ông Tr, bà L có hỏi mượn thêm 8 lượng, 05 chỉ vàng. Đến tháng 5/2019 tổng số tiền ông T, bà L nợ là 220.000.000 đồng. Sau đó, ông T, bà L trả được 102.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Do ông T, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông C khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại 118.000.000 đồng và 8 lượng vàng 24K.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Bùi Kim L trình bày: Bà L thừa nhận có mượn 8,5 lượng vàng của ông Dương Tấn T, đã trả được 102.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Bà L không thừa nhận là có nợ số tiền 220.000.000 đồng như ông C trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Dương Tấn T và bà Bùi Kim L trả cho ông Trần Văn C 118.000.000 đồng và 80 chỉ vàng 24K. Án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Khi khởi kiện nguyên đơn cung cấp được bản chính giấy nợ ngày 16/9/2018. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không ý kiến gì về giấy nợ do nguyên đơn cung cấp mà thống nhất chữ ký trong giấy nợ là của bị đơn. Do đó căn cứ vào tờ giấy nợ này làm cơ sở và là chứng cứ quan trọng để giải quyết vụ án.

[3] Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2019 thì bị đơn Bùi Kim L thừa nhận chữ ký trong tờ giấy nợ ngày 16/9/2018 là của bà cùng chồng là ông T ký vào tờ giấy nợ. Tuy nhiên bà L chỉ thừa nhận là có mượn vàng, không thừa nhận là có mượn tiền. Xét thấy, bị đơn cho rằng không có mượn tiền của nguyên đơn nhưng trong giấy nợ lại có thể hiện tiền vay là mâu thuẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn đều vắng mặt không yêu cầu gì đối với tờ giấy tay về nợ, đồng thời bị đơn đã thừa nhận có ký tên vào giấy nợ nên bị đơn phải chịu

trách nhiệm và có nghĩa vụ trả nợ theo nội dung của tờ giấy nợ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2019 chị Bùi Kim L cũng đã trình bày có nợ 118.000.000 đồng nhưng sau đó mới thay đổi lời khai. Sự thừa nhận của chị L là phù hợp lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ khác nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Căn cứ vào tờ giấy nợ ngày 16/9/2019 thì ông T bà L có mượn của nguyên đơn 8,5 lượng vàng 24k, không tính lãi và 220.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ là hai tuần. Đến hạn bị đơn không trả nợ là không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét, bị đơn không phải chịu. Tuy nhiên bị đơn phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trong quá trình thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc ông Dương Tấn T và bà Bùi Kim L phải trả cho ông Trần Văn C 118.000.000 đồng và 08 lượng vàng 24K (loại 98%).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Tấn T và bà Bùi Kim L phải nộp 21.840.000 đồng. Hoàn trả lại cho ông Trần Văn C 10.640.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0021511 ngày 23/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lương Phước Đại